

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ủy quyền giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực
Bưu chính, Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính Phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-BKHCN ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 04/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới được phân cấp trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính mới được phân cấp trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới được phân cấp; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 258/TTr-SKHCN ngày 13/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết 81 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện theo quy định, cụ thể như sau:

(Có chi tiết phụ lục Danh mục thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo)

Điều 2. Thời gian ủy quyền

Từ ngày Quyết định có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung liên quan có thay đổi.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được ủy quyền tại Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Thực hiện đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

b) Trực tiếp giải quyết công việc do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền; được phân công cho cấp phó của mình thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

Trường hợp phân công cấp phó thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ vẫn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

c) Chuẩn bị, bố trí đầy đủ các nguồn lực để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

d) Sử dụng hình thức văn bản, con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền. Chịu trách nhiệm công khai đầy đủ trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết và kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đánh giá và xử lý theo thẩm quyền quy định đối với các vấn đề phát sinh khi thực hiện Quyết định này.

e) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (N.T.M);
- Trung tâm TT&HN tỉnh, Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Quốc Hưng

**PHỤ LỤC: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A	Lĩnh vực Bưu chính	
1	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục I, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục II, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục III, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục IV, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục V, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục VI, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
7	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Mục VII, Phần D, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
B	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	
1	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng”	Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
3	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Điểm 1, mục XII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
4	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá	Điểm 1, mục XVII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
5	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Mục I, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

6	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Mục II, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
7	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục III, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục IV, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
9	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục V, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
10	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục VI, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
11	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Mục VII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

12	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Mục VIII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
13	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Mục IX, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
14	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục X, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
15	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục XI, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục XII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
17	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục XII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
18	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt

	dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục XIV, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
19	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Mục XV, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
20	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Mục XVI, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
21	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Mục XVII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
22	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Mục XVIII, phần B, phụ lục II, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
23	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.	Điểm 1, mục V, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
24	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh	Điểm 1, mục VI, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

	nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	
25	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Điểm 1, mục VII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
26	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Điểm 1, mục XI, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
27	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ- CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục VIII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
28	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Mục IX, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
29	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy

	vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; - Điểm 1, mục X, phần B, Phụ lục I, Nghị quyết số Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
30	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Điểm 1, mục XIII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
31	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Điểm 1, mục XIII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
32	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Điểm 1, mục XIII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
33	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Điểm 1, mục XV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
34	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Điểm 1, mục XV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
35	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Điểm 1, mục XV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
36	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Điểm 1, mục XIV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
37	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Điểm 1, mục XIV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
38	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Điểm 1, mục XIV, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
39	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	Điểm 1, mục XVI, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
40	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	Điểm 1, mục XVIII, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
41	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	Mục XIX, phần B, phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
C	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	
1	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026;

		- Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
2	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
4	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
5	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
6	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
7	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
8	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
9	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
10	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.

11	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
12	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
13	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
14	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
15	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
16	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
17	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
18	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
19	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.

20	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
21	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
22	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
23	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
24	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
25	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
26	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
27	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
28	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
29	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.

	nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	
30	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
31	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
32	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.
33	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	- Tại mục 2, Phần A, Phụ lục I.3 khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; - Thông tư số 31/2026/TT- BKHCN ngày 10/6/2026.